

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Số/No: 229 /BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán
Explanation of the audited separate FS
of Y2023

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024
Ho Chi Minh City, March 28 2024

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the audited separate financial statement of Y2023 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 12 month period ended 31 December		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ/ Percent
	2023	2022		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	37,739,184,263,128	41,813,139,058,076	(4,073,954,794,948)	-10%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions		22,320,718,601	(22,320,718,601)	-100%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	37,739,184,263,128	41,790,818,339,475	(4,051,634,076,347)	-10%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	32,127,500,715,007	35,158,185,011,372	(3,030,684,296,365)	-9%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	5,611,683,548,121	6,632,633,328,103	(1,020,949,779,982)	-15%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	3,560,612,649,786	3,049,588,425,447	511,024,224,339	17%



7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	69,112,595,833	69,375,202,181	(262,606,348)	0%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	3,833,568,260,824	4,038,486,338,919	(204,918,078,095)	-5%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	411,535,811,152	347,706,978,997	63,828,832,155	18%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	4,858,079,530,098	5,226,653,233,453	(368,573,703,355)	-7%
11. Thu nhập khác/ Other income	4,669,151,935	1,385,783,906	3,283,368,029	237%
12. Chi phí khác/ Other expenses	16,870,685,102	8,143,366,231	8,727,318,871	107%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	(12,201,533,167)	(6,757,582,325)	(5,443,950,842)	81%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	4,845,877,996,931	5,219,895,651,128	(374,017,654,197)	-7%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	548,226,704,070	680,488,477,453	(132,261,773,383)	-19%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	10,040,694,460	(20,249,650,982)	30,290,345,442	-150%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	4,287,610,598,401	4,559,656,824,657	(272,046,226,256)	-6%

Doanh thu thuần thấp hơn so với năm ngoái do sự cạnh tranh gay gắt, nhu cầu tiêu dùng giảm bởi kinh tế trong nước suy thoái cùng với việc thực hiện chặt chẽ Nghị định 100. Lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào và chi phí quản lý cao hơn, mặc dù được bù đắp một phần bởi doanh thu tài chính cao hơn.

Net sales was lower than last year from intensified competition, lower consumer demand from domestic economic slowdown coupled with stricter implementation of Decree 100. Net profit was also impacted by higher input costs and operating expenses, despite being partially off-set by higher financial income.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's auditted separate financial statements of Y2023.

Trân trọng./.

Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- CTHĐQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.



**TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**

Tan Teck Chuan Lester



